

thực hiện điều ước quốc tế năm 1998 (Điều 28) và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 3656/VPCP-QHQT ngày 30 tháng 7 năm 2003), Bộ Ngoại giao đã hoàn thành các thủ tục đối ngoại về việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định Thương mại và Thanh toán giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ba Lan, ký ngày 12 tháng 4 năm 1991.

Theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ, Hiệp định nêu trên chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2004./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thủ trưởng

Vũ Dũng

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 66/2004/QĐ-BTC ngày 11/8/2004 ban hành Quy chế hướng dẫn về trình tự, thủ tục phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 141/2003/NĐ-CP

ngày 20/11/2003 của Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hướng dẫn về trình tự, thủ tục phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành trái phiếu và Thủ trưởng các đơn vị có

liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

QUY CHẾ hướng dẫn về trình tự, thủ tục phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương

(ban hành kèm theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BTC ngày 11/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này hướng dẫn về trình tự lập kế hoạch, xây dựng phương án phát hành, quyết định phát hành, điều hành lãi suất và các vấn đề liên quan đến tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương (gọi chung là trái phiếu).

Điều 2. Trái phiếu được phát hành theo các phương thức: đấu thầu qua Ngân hàng Nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng

khoán); bảo lãnh phát hành; đại lý phát hành và phát hành trực tiếp qua hệ thống Kho bạc Nhà nước theo quy định của Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính.

Điều 3. Việc phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ áp dụng trong các trường hợp đặc biệt nhằm huy động vốn cho các công trình, dự án thuộc phạm vi cân đối của ngân sách Trung ương trên cơ sở đề án do Bộ Tài chính xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Bộ trưởng Bộ Tài chính trực tiếp quyết định loại ngoại tệ, khối lượng, mệnh giá, kỳ hạn, lãi suất và địa bàn phát hành cho từng đợt phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ và giao cho Kho bạc Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4. Bộ Tài chính thống nhất quản lý việc phát hành trái phiếu, giám sát việc tổ chức phát hành, sử dụng vốn và hoàn trả vốn vay của các tổ chức phát hành trái phiếu.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai việc phát hành trái phiếu theo kế hoạch và phương án đã được thẩm định;

sử dụng vốn vay đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho các chủ sở hữu trái phiếu và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý phát hành trái phiếu.

II. KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 6. Xây dựng kế hoạch phát hành trái phiếu

1. Kế hoạch phát hành tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu ngoại tệ:

1.1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng kế hoạch phát hành, thanh toán các loại trái phiếu để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt.

1.2. Căn cứ vào chỉ tiêu huy động vốn đã được Quốc hội quyết định, Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ huy động vốn phát hành tín phiếu, trái phiếu cho Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước chủ trì phối hợp với Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính xây dựng kế hoạch phát hành các loại trái phiếu hàng tháng phân theo từng loại trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, đồng tiền và phương thức

phát hành báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2. Kế hoạch phát hành trái phiếu đầu tư, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

2.1. Trước ngày 31/12 hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và nhu cầu sử dụng vốn của các dự án, Quỹ Hỗ trợ phát triển, các tổ chức tài chính, tín dụng phát hành trái phiếu đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh xây dựng phương án phát hành trái phiếu cho năm sau báo cáo Bộ Tài chính, bao gồm:

- Tổng mức vốn huy động trong năm;
- Khối lượng dự kiến huy động cho từng tháng, chi tiết theo từng loại kỳ hạn và phương thức phát hành.

2.2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi kế hoạch phát hành, tổ chức phát hành có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính.

3. Kế hoạch phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương:

Hàng năm, trước ngày 31/12, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhu cầu phát hành trái phiếu thực hiện xây dựng kế hoạch phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương trong năm gửi Bộ Tài chính. Trong kế hoạch phát hành phải thuyết

minh chi tiết về nhu cầu vốn phát hành, mục đích sử dụng vốn huy động, dự kiến thời gian phát hành trong năm kế hoạch.

Điều 7. Công bố kế hoạch phát hành trái phiếu

1. Kho bạc Nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức tài chính, tín dụng, doanh nghiệp thực hiện công bố công khai các thông tin về kế hoạch phát hành trái phiếu đã được chấp thuận hoặc báo cáo trong năm, chi tiết hàng tháng phân theo từng loại trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu và phương thức phát hành.

2. Phương thức công bố thông tin:

2.1. Công bố qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm xuất bản, trang điện tử (website) của tổ chức phát hành;

2.2. Công bố thông qua các phương tiện công bố thông tin của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán).

Tổ chức phát hành được miễn phí công bố thông tin qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán).

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 8. Phát hành tín phiếu kho bạc,

trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu ngoại tệ:

1. Kho bạc Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện việc phát hành tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu bằng ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu chi của ngân sách nhà nước và các dự án, công trình quan trọng thuộc phạm vi cân đối của Ngân sách Trung ương.

2. Căn cứ tổng mức vốn phát hành trái phiếu trong năm và kế hoạch phát hành đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, Kho bạc Nhà nước chủ động tổ chức triển khai thực hiện việc phát hành trái phiếu theo nhu cầu và tiến độ chi của ngân sách nhà nước.

Việc phát hành trái phiếu theo phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định cho từng đợt phát hành.

Điều 9. Phát hành trái phiếu đầu tư

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển, các tổ chức tài chính, tín dụng được chủ động tổ chức phát hành trái phiếu đầu tư để huy động vốn đáp ứng nhu cầu về vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo kế hoạch hàng năm và kế hoạch phát hành trái phiếu đã báo cáo Bộ Tài chính.

2. Việc huy động vốn phải phù hợp với tiến độ giải ngân vốn vay, nguồn thu hồi nợ và đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm đến

mức thấp nhất các chi phí về huy động vốn. Không huy động vốn khi chưa có nhu cầu sử dụng hoặc nguồn vốn hiện tại vẫn đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các dự án.

Điều 10. Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

1. Điều kiện phát hành trái phiếu:

1.1. Tổ chức phát hành là doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chỉ định làm chủ đầu tư và phát hành trái phiếu để huy động vốn cho các dự án;

1.2. Dự án đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

1.3. Được Bộ Tài chính bảo lãnh thanh toán hoặc ủy quyền cho các tổ chức tài chính nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện.

Mức phí bảo lãnh tối đa là 0,05%/năm trên số tiền thực tế bảo lãnh hàng năm. Phí bảo lãnh thanh toán ngoài phần sử dụng để trả phí ủy quyền bảo lãnh (nếu có), số còn lại được nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Khi có nhu cầu phát hành trái phiếu, doanh nghiệp gửi đến Bộ Tài chính các tài liệu sau:

2.1. Đơn đề nghị phát hành trái phiếu kèm theo phương án phát hành thuyết minh rõ về tổng mức vốn dự kiến huy động; thời hạn, lãi suất; kế hoạch trả nợ

vốn vay khi đến hạn; nguồn trả nợ; biện pháp tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu;

2.2. Văn bản về việc cho phép doanh nghiệp được phép phát hành trái phiếu để huy động vốn cho dự án;

2.3. Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2.4. Giấy đề nghị Bộ Tài chính thực hiện bảo lãnh thanh toán;

2.5. Các tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ, Bộ Tài chính có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản để doanh nghiệp thực hiện phát hành trái phiếu.

Điều 11. Phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương

1. Điều kiện phát hành trái phiếu:

1.1. Dự án, công trình sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu phải thuộc danh mục đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư 5 năm đã Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

1.2. Có phương án phát hành trái phiếu được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Phương án phát hành trái phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên dự án đầu tư sử dụng nguồn phát hành trái phiếu;

b) Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền;

c) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Tổng số vốn đầu tư cần huy động và dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh;

đ) Khối lượng huy động; thời hạn, lãi suất huy động và phương án trả nợ khi đến hạn;

e) Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm báo cáo và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo;

f) Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án huy động.

1.3. Dư nợ vốn huy động tại thời điểm trình phương án và dư nợ nếu được chấp thuận phát hành trái phiếu bảo đảm không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, không kể vốn đầu tư bổ sung theo mục tiêu không có tính chất ổn định thường xuyên từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh.

Riêng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, giới hạn huy động vốn được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2004/NĐ-CP và Nghị định số 124/2004/NĐ ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

2. Khi có nhu cầu phát hành trái phiếu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

2.1. Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu, trong đó có nêu rõ về tổng mức vốn dự kiến huy động; thời hạn, lãi suất; thời gian dự kiến phát hành; biện pháp tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu.

2.2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua việc phát hành trái phiếu kèm theo phương án phát hành.

2.3. Các tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện.

4. Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định ủy quyền cho Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn thực hiện việc phát hành trái phiếu theo các quy định hiện hành.

Điều 12. Đình chỉ phát hành trái phiếu

1. Bộ Tài chính thực hiện đình chỉ việc phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau:

1.1. Tổ chức phát hành không thực hiện phát hành theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được Bộ Tài

chính chấp thuận hoặc không tuân thủ các quy định hiện hành về phát hành trái phiếu.

1.2. Lãi suất trái phiếu phát hành vượt quá mức lãi suất trần hoặc biên độ lãi suất do Bộ Tài chính thông báo.

1.3. Mức huy động vượt giới hạn cho phép, vượt tổng mức vốn đầu tư của dự án, công trình sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu và chỉ tiêu phát hành trái phiếu đã được Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành phải thực hiện ngay việc đình chỉ phát hành trái phiếu.

Đối với trái phiếu Chính quyền địa phương, khi đình chỉ phát hành, Bộ Tài chính đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị hình thức xử lý để Thủ tướng Chính phủ quyết định.

IV. ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT VÀ CHỨNG CHỈ TRÁI PHIẾU

Điều 13. Điều hành lãi suất trái phiếu

1. Bộ Tài chính thống nhất điều hành mặt bằng lãi suất của tất cả các loại trái phiếu phát hành theo quy định của Quy chế này.

2. Cơ chế điều hành lãi suất được thực hiện như sau:

2.1. Định kỳ, căn cứ tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thông báo mức lãi suất trần phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành; thông báo giới hạn biên độ lãi suất phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương so với trái phiếu Chính phủ có cùng kỳ hạn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm căn cứ tổ chức phát hành trái phiếu.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành thực hiện điều hành lãi suất để tổ chức đấu thầu, lãi suất phát hành theo phương thức bảo lãnh và đại lý phát hành trong phạm vi mức lãi suất trần và biên độ cho phép.

Lãi suất trái phiếu phát hành qua hệ thống Kho bạc Nhà nước theo phương thức bán lẻ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định cho từng đợt phát hành.

2.3. Lãi suất được Bộ Tài chính thông báo theo phương thức trả lãi sau hàng năm. Trường hợp thay đổi phương thức trả lãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành phải thực hiện xác định lại mức lãi suất trái phiếu cho phù hợp, cụ thể:

a) Đối với trái phiếu trả lãi trước hàng năm:

Thực hiện quy đổi lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả trước hàng năm theo công thức:

$$L_t = \frac{L_s}{(1 + L_s)} \quad (1)$$

Trong đó:

L_t: Lãi suất trả trước hàng năm (%/năm)

L_s: Lãi suất trả sau hàng năm (%/năm).

b) Đối với trái phiếu trả lãi sau định kỳ:

- Thực hiện quy đổi từ lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả sau định kỳ theo công thức:

$$(1 + L_s) = \left[1 + L_{sk} \right]^k \quad (2)$$

Trong đó: L_s: Lãi suất trả sau hàng năm (%/năm)

L_{sk}: Lãi suất trả sau từng kỳ (%/kỳ)

k: Số kỳ trả lãi trong năm.

- Mức lãi suất trần tính theo năm cho việc phát hành trái phiếu được xác định theo công thức:

$$L_{sn} = L_{sk} \times k \quad (3)$$

Trong đó: L_{sn}: Lãi suất trả sau năm (%/năm)

L_{sk}: Lãi suất trả sau từng kỳ (%/kỳ)

k: Số kỳ trả lãi trong năm.

c) Đối với trái phiếu trả lãi trước định kỳ:

- Thực hiện quy đổi từ lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả sau định kỳ như công thức (2).

- Quy đổi lãi suất trả sau từng kỳ về lãi suất trả trước từng kỳ theo công thức:

$$L_{tk} = \frac{L_{sk}}{(1 + L_{sk})} \quad (4)$$

Trong đó: L_{tk}: Lãi suất trả trước từng kỳ (%/kỳ)

L_{sk}: Lãi suất trả sau từng kỳ (%/kỳ).

- Mức lãi suất trần tính theo năm cho việc phát hành trái phiếu được xác định theo công thức:

$$L_{tn} = L_{tk} \times k \quad (5)$$

Trong đó: L_{tn}: Lãi suất trả trước năm (%/năm)

L_{tk}: Lãi suất trả trước từng kỳ (%/kỳ)

k: Số kỳ trả lãi trong năm

(Có ví dụ cụ thể về việc tính toán xác định mức lãi suất cho việc phát hành trái phiếu đính kèm).

2.4. Thông báo lãi suất của Bộ Tài

chính được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý tài liệu "Mật".

Điều 14. Chứng chỉ trái phiếu

1. Chứng chỉ trái phiếu do tổ chức phát hành tổ chức in, quản lý và phân phối cho tổ chức, cá nhân mua trái phiếu.

2. Chứng chỉ trái phiếu có thể có ghi tên hoặc không ghi tên nhưng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Tên tổ chức phát hành trái phiếu, cụ thể:

a) Kho bạc Nhà nước đối với các loại trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành.

Riêng trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu bằng ngoại tệ, tổ chức phát hành là Bộ Tài chính.

b) Quỹ Hỗ trợ phát triển, các tổ chức tài chính, tín dụng đối với trái phiếu đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trái phiếu Chính quyền địa phương.

d) Doanh nghiệp đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

2.2. Mệnh giá, số sê ri.

2.3. Thời hạn, lãi suất trái phiếu.

2.4. Tên tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trái phiếu (trường hợp trái phiếu có ghi tên).

2.5. Ngày phát hành, ngày đến hạn thanh toán.

2.6. Chữ ký của người đứng đầu tổ chức phát hành.

3. Trường hợp trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ, tổ chức phát hành hoặc đơn vị được ủy nhiệm mở sổ theo dõi việc mua trái phiếu của từng tổ chức, cá nhân. Người mua trái phiếu được cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong đó có ghi rõ các thông tin về: Tên tổ chức phát hành; mệnh giá; thời hạn, lãi suất trái phiếu; tên tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trái phiếu; ngày phát hành, ngày đến hạn thanh toán; chữ ký của người đứng đầu tổ chức phát hành.

V. NGUỒN TRẢ NỢ VÀ PHÍ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 15. Ngân sách Trung ương có trách nhiệm bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi đối với tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu ngoại tệ; ngân sách địa phương cân đối nguồn hoàn trả trái phiếu Chính quyền địa phương; Quỹ Hỗ trợ phát triển, các tổ chức tài chính, tín dụng bố trí nguồn hoàn trả gốc, lãi trái phiếu đầu tư; doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí nguồn hoàn trả gốc, lãi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Căn cứ

kỳ hạn trái phiếu và thời điểm trả lãi, tổ chức phát hành hoặc tổ chức được ủy quyền chịu trách nhiệm thanh toán kịp thời gốc, lãi cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn.

Điều 16. Phí phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu được hạch toán vào chi ngân sách Nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), chi phí huy động vốn hoặc vào giá trị quyết toán công trình theo chế độ quy định.

Điều 17. Việc thanh toán phí đấu thầu, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành; phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu đối với các loại trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành để huy động vốn cho ngân sách Trung ương được thực hiện theo cơ chế sau:

1. Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng tồn ngân quỹ Kho bạc Nhà nước để thanh toán các khoản phí phát sinh.

Định kỳ cuối mỗi quý, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số phí đã thanh toán gửi Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) để làm thủ tục hoàn trả số kinh phí đã tạm ứng cho Kho bạc Nhà nước.

2. Việc thanh toán phí đấu thầu, thanh toán tín phiếu kho bạc và trái phiếu ngoại tệ qua Ngân hàng Nhà nước được

thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính do Bộ Tài chính quy định đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

VI. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, BÁO CÁO VÀ QUYẾT TOÁN

Điều 18. Hạch toán kế toán

Tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. Báo cáo và quyết toán

1. Trước ngày 05 hàng tháng, căn cứ kết quả phát hành, thanh toán trái phiếu, tổ chức phát hành báo cáo Bộ Tài chính (qua Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) về tình hình phát hành, thanh toán trái phiếu của tháng trước và dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu của tháng sau.

2. Kết thúc từng đợt phát hành, tổ chức phát hành báo cáo Bộ Tài chính kết quả phát hành của cả đợt.

3. Định kỳ hàng năm, tổ chức phát hành phải thực hiện quyết toán số thu từ phát hành trái phiếu trong năm, số thanh toán gốc, lãi và các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Xây dựng kế hoạch phát hành, thanh toán tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu ngoại tệ tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước để Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện việc phát hành, thanh toán trái phiếu theo dự toán đã được Quốc hội quyết định.

2. Thẩm định, thỏa thuận về phương án phát hành, kế hoạch triển khai đối với trái phiếu đầu tư, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương. Giám sát việc phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu của các chủ thể và tổ chức phát hành trái phiếu.

3. Điều hành lãi suất phát hành tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương và trái phiếu ngoại tệ. Quyết định lãi suất trần của trái phiếu đầu tư, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; quyết định giới hạn biên độ lãi suất trái phiếu Chính quyền địa phương so với trái phiếu Chính phủ.

4. Thống nhất quản lý việc tổ chức đấu thầu, niêm yết và giao dịch trái phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

1.1. Xem xét thông qua phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch hoàn trả vốn vay do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình;

1.2. Cân đối, bố trí nguồn vốn hoàn trả gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

1.3. Giám sát việc tổ chức phát hành và sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu và hoàn trả vốn vay của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

2.1. Lập phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch hoàn trả vốn vay trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

2.2. Tổ chức phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương theo phương án được Bộ Tài chính thẩm định;

2.3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn và thu hồi vốn vay từ phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương;

2.4. Bảo đảm nguồn thanh toán trái phiếu khi đến hạn.

Điều 22. Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ phát triển, các tổ chức tài chính, tín dụng, doanh nghiệp phát hành trái phiếu:

1. Lập phương án phát hành, kế hoạch triển khai phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn.

2. Tổ chức phát hành và thanh toán trái phiếu khi đến hạn.

3. Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Báo cáo Bộ Tài chính về kết quả phát hành và thanh toán trái phiếu.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

VÍ DỤ VỀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT TRẦN CHO VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Lãi suất trần do Bộ Tài chính thông báo cho loại trái phiếu kỳ hạn 5 năm

theo phương thức “trả lãi sau hàng năm” là 8%/năm.

2. Các trường hợp thực tế phát sinh:

2.1. Trường hợp 1:

- Tổ chức phát hành xác định thực hiện trả lãi trái phiếu theo phương thức “trả lãi trước hàng năm”.

- Thực hiện quy đổi lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả trước hàng năm:

+ Công thức:

$$Lt = \frac{Ls}{(1 + Ls)}$$

Trong đó:

Lt: Lãi suất trả trước hàng năm (%/năm)

Ls: Lãi suất trả sau hàng năm (%/năm).

+ Thay số vào ta có:

$$Lt = \frac{8\%}{(1 + 8\%)} = 7,41\%$$

+ Như vậy, mức lãi suất trần cho việc phát hành trái phiếu theo phương thức trả lãi trước hàng năm là 7,41%/năm.

2.2. Trường hợp 2:

- Tổ chức phát hành xác định thực

hiện trả lãi theo phương thức “trả lãi sau 6 tháng 1 lần” (một năm trả lãi 2 lần).

- Thực hiện quy đổi lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả sau từng kỳ:

+ Công thức:

$$(1 + Ls) = \left[1 + Lsk \right]^k$$

Trong đó:

Ls: Lãi suất trả sau hàng năm (%/năm)

Lsk: Lãi suất trả sau từng kỳ (%/kỳ)

k: Số kỳ trả lãi trong năm.

+ Thay số vào ta có:

$$(1 + 8\%) = \left[1 + Lsk \right]^2$$

Sau khi tính toán ta có kết quả: Lsk = 3,92%/6 tháng.

+ Như vậy, mức lãi suất trần cho việc phát hành trái phiếu theo phương thức “trả lãi sau 6 tháng 1 lần” là: 3,92% x 2 = 7,84%/năm.

2.3. Trường hợp 3:

- Tổ chức phát hành xác định thực hiện trả lãi theo phương thức “trả lãi trước 6 tháng 1 lần” (một năm trả lãi 2 lần).

- Thực hiện quy đổi lãi suất trả sau hàng năm về lãi suất trả sau từng kỳ: tính tương tự như trường hợp 2, xác định được lãi suất trả sau từng kỳ là 3,92%/6 tháng.

- Thực hiện quy đổi lãi suất trả sau từng kỳ về về lãi suất trả trước từng kỳ

+ Công thức:

$$Ltk = \frac{Lsk}{(1 + Lsk)}$$

Trong đó:

Lt: Lãi suất trả trước từng kỳ (%/kỳ)

Ls: Lãi suất trả sau từng kỳ (%/kỳ)

+ Thay số vào ta có:

$$Ltk = \frac{3,92\%}{(1 + 3,92\%)} = 3,77\%/6 \text{ tháng}$$

+ Như vậy, mức lãi suất trần cho việc phát hành trái phiếu theo phương thức “trả lãi trước 6 tháng 1 lần” là 3,77% x 2 = 7,54%/năm.